TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-PT
Ngày 01/3/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Công Đồng.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án sơ thẩm số: 15/2018/DSST, ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Kim Thoa, ông Nguyễn Thế Hải, bà Nguyễn Thị Tươi - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH một thành viên QTC, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Anh Phương - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Anh Phương, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Đình A, sinh năm 1960 và chị Trần Thị C, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. Anh Lưu Văn H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người kháng cáo: Anh Lưu Văn H; chị Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 20/3/2017, chị Lê Thị T vay của chị số tiền 160 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận 1,3%/tháng, khi vay có giấy biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả nợ mà thỏa thuận miệng khi nào chị cần thì báo trước vài ngày. Ngày 20/6/2018, hai bên chốt số tiền lãi là 10.400.000đ. Sau khi chốt lãi ngày 20/6/2018 chị đã yêu cầu chị T trả tiền cho chị nhưng không trả. Nay chị yêu cầu chị T phải trả 160 triệu đồng tiền gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 17.125.000đ, tổng cộng gốc lãi là 177.125.000đ. Chị không đồng ý cho chị T trả gốc dần và vẫn yêu cầu tính lãi như thỏa thuận.

Bị đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị thừa nhận có vay của chị H 160.000.000đ. Khi vay tiền chị và chị H không thỏa thuận về thời gian trả nợ gốc. Lãi suất thỏa thuận 1,3%/tháng; hai bên đã chốt số tiền lãi đến ngày 20/6/2018 là 10.400.000đ; tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 20/6/2018 là 170.400.000đ. Do điều kiện làm ăn khó khăn chị không đủ khả năng trả lãi, số lãi hai bên đã thanh toán thì chị không có ý kiến gì nhưng lãi sau khi chốt nợ thì chị xin chị H và xin trả dần nợ gốc. Theo chị việc vay nợ không có thời hạn trả nợ nên chị H không có quyền khởi kiện, nếu khởi kiện phải thông báo trước cho chị biết. Theo quy định khoản 1 và khoản 2 Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị không phải chịu án phí.

Chị không nhất trí với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện G vì ngày 09/7/2018, tại Văn phòng công chứng Hoàng Tình, vợ chồng chị đã chuyển nhượng thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng chị cho vợ chồng anh Lê Đình A và chị Trần Thị C. Anh, chị đã nhận tiền, giao giấy chứng nhận và nhà đất cho anh A, chị C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lưu Văn H trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị T. Việc vợ anh vay tiền của nguyên đơn anh

không biết và anh không có nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa chị T đã xác nhận nợ gốc và lãi anh không có ý kiến gì.

Anh Lê Đình A và chị Trần Thị C trình bày: Ngày 09/7/2018, tại Văn phòng công chứng Hoàng Tình anh, chị đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m^2, thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lưu Văn H và chị Lê Thị T cùng toàn bộ tài sản xây dựng trên đất của anh H, chị T. Ngày 27/7/2018, anh đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện G làm thủ tục đổi tên người sử dụng đất theo quy định của pháp luật, thì được biết thửa đất trên đã có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nay anh, chị đề nghị Tòa án xem xét không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản. Vì tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng anh, chị theo quy định của pháp luật từ khi anh, chị nhận chuyển nhượng.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vay là 160 triệu và tiền lãi là 17.125.000đ. Tổng cộng là 177.125.000đ.

Trả cho chị Nguyễn Thị H 01 sổ tiết kiệm số 000.1147.3555 ngày 26/8/2018, của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2018, anh Lưu Văn H, chị Lê Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Lưu Văn H, chị Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm cho rằng bản án sơ thẩm xử trái quy định của pháp luật vì ngày 20/6/2018 chị T và chị H đã chốt nợ nhưng cũng không ghi thời hạn trả. Như vậy, chị H chưa có quyền khởi kiện, chị H chưa có thông báo cho chị T, tại phiên tòa chị H cho rằng có điện thoại đòi chị T và chị T cũng thừa nhận chị H có gọi điện thoại nhưng không rõ nội dung đòi nợ nên chưa đủ điều kiện khởi kiện. Chị T vay thì

phải trả nhưng do chị T khó khăn nên xin được trả dần, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Bị đơn không tham gia tranh luận và nhất trí với luận cứ của luật sư.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị H có quyền khởi kiện đòi chị T bất cứ lúc nào. Thực tế chị H đã đòi chị T nhiều lần nhưng chị T chây ỳ không trả nên chị H khởi kiện và bản án sơ thẩm đã xử buộc chị T phải trả cho chị H tiền nợ gốc và lãi là đúng quy định của pháp luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn nhất trí với luận cứ của luật sư, không tham gia tranh luận.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn giữ nguyên quan điểm cho rằng chị H chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Lưu Văn H, chị Lê Thị T, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Về tố tụng: Ngày 12/02/2019, chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Lưu Văn Mạo và anh Nguyễn Văn Phương tham gia tố tụng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Mạo và anh Phương vắng mặt, chị H từ chối ủy quyền và trực tiếp tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngày 20/3/2017, chị Nguyễn Thị H cho chị Lê Thị T vay số tiền 160.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy biên nhận, có thỏa thuận lãi suất nhưng không thỏa thuận thời hạn trả. Đến ngày 20/6/2018, hai bên chốt số tiền lãi là 10.400.000đ. Sau khi chốt lãi ngày 20/6/2018 chị đã yêu cầu chị T trả tiền cho chị nhưng không trả. Do vậy, chị H đã khởi kiện và bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận đơn khởi kiện của của chị H.

Xét kháng cáo của chị Lê Thị T và anh Lưu Văn H, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm đã xử buộc chị Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Hồng số

tiền 177.125.000đ là có căn cứ pháp luật, bởi các bên đương sự đều thừa nhận có việc vay nợ. Phía bị đơn cho rằng nguyên đơn khởi kiện không báo trước cho bị đơn một thời gian vì trong hợp đồng vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nhưng chị H cho rằng chị đã điện thoại và đến nhà chị T đòi nhiều lần nhưng chị T không trả nên chị mới khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm chị T xác nhận chị H có điện thoại nhiều lần và thừa nhận vào ngày 20/6/2018 hai bên đã chốt lãi nhưng sau đó không trả. Như vậy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị H khởi kiện yêu cầu chị T phải trả khoản vay trên là có căn cứ. Do đó, bản án sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H là đúng quy định của pháp luật. Như vậy, kháng cáo của chị T đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với anh Lưu Văn H là người liên quan nhưng bản án sơ thẩm chỉ buộc chị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị H nên anh H kháng cáo toàn bộ bản án là không có cơ sở chấp nhận. Đối với phần tài sản liên quan đến anh H là thửa đất và ngôi nhà mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng một quyết định độc lập nên kháng cáo của anh H không được chấp nhận.

Trong vụ án này cấp sơ thẩm có thiếu sót đó là quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là một quyết định độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định trong bản án và tuyên trả sổ tiết kiệm cho người đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không đúng và khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không yêu cầu người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nộp tiền vào tài khoản phong tỏa. Do đó cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Anh Lưu Văn H, chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vay là 160.000.000đ và tiền lãi là 17.125.000đ. Tổng cộng là 177.125.000đ (Một trăm bẩy mươi bẩy triệu một trăm hai lăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả

tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí chị Lê Thị T phải chịu 8.856.200đ án phí dân sự sơ thẩm, chị T, anh H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh H, chị T mỗi người đã nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001438 và 0001439 ngày 05/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trả cho chị Nguyễn Thị H 4.240.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001358 ngày 09/07/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tính